

Số: /BC-THPTMA

Mường Ảng, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024 -2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kết quả thực hiện, trường THPT Mường Ảng báo cáo như sau;

I.THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Mường Ảng.

2. Địa chỉ: Tổ dân phố 7 - thị trấn Mường Ảng- Mường Ảng - Điện Biên;
số điện thoại: 02153865162; địa chỉ Website: thptmuongang.edu.vn.

3. Loại hình trường

- Trường THPT Mường Ảng là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định Luật Giáo dục, Điều lệ trường phổ thông và Quy chế tổ chức và hoạt động các trường công lập, nhà trường có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của Chương trình giáo dục phổ thông.

Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên; tham gia tuyển dụng và điều động giáo viên, cán bộ, nhân viên.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của nhà nước.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

4.1. Sứ mạng

- Xây dựng môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng và nhân văn;

- Đội ngũ vừa hồng vừa chuyên để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo; tạo cơ hội cho học sinh phát huy hết những năng lực vốn có;

- Phong cách văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc; phong cách giao tiếp và truyền đạt mới mẻ là nền tảng để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường;

- Hướng tới hoàn thành sứ mệnh “Công dân toàn cầu là sản phẩm của chúng tôi”.

4.2. Tâm nhìn

Trở thành một ngôi trường giáo dục ra những học sinh tốt về đạo đức, giỏi về trí lực, mạnh khỏe về thể chất, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện; nơi giáo viên luôn có khát vọng vươn tới xuất sắc, thành đạt và hạnh phúc.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển nhà trường

- Trường THPT Mường Ảng tỉnh Điện Biên, tiền thân là trường cấp II - III Mường Ảng - Huyện Tuần Giáo - Tỉnh Lai Châu. Trường Cấp II - III Mường Ảng được thành lập theo quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 17/6/1987 của UBND tỉnh Lai Châu. Đóng tại thị trấn nông trường Mường Ảng nay là thị trấn Mường Ảng huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên;

- Khi mới thành lập cơ sở vật chất trường có 5 phòng học xây cấp 4 và 8 phòng học bằng gỗ chát vách đất, một nhà thư viện thí nghiệm với 5 gian nhà xây. Toàn bộ cơ sở vật chất trên là do nhân dân nông trường Mường Ảng đóng góp và trích một phần nguồn vốn của nông trường xây dựng lên. Trải qua 37 năm xây dựng và phát triển; được sự quan tâm của các cấp, các ngành; sự ủng hộ của chính quyền địa phương, phụ huynh học sinh và đồng lòng của các thế hệ CBQL, giáo viên và nhân viên; nhà trường nhiều năm liền hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học; nhận nhiều bằng khen của UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo; diện mạo trường học đổi thay tích cực, chất lượng giáo dục toàn diện có sức thuyết phục cao, tạo được niềm tin, sự tín nhiệm của ngành, của đảng bộ và nhân dân huyện nhà;

- Đến tháng 10/2014 nhà trường vinh dự được UBND tỉnh Điện Biên công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 47/2012/QĐ-BGDĐT, ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; tháng 11/ 2020 nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá và công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và UBND tỉnh công nhận

trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT/BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về việc kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Thông tin về số lớp, số học sinh của 5 năm học gần đây:

Năm học	Số lớp			Tổng số lớp	Tổng số HS
	Khối 10	Khối 11	Khối 12		
2020-2021	8	5	5	18	625
2021-2022	8	6	4	18	673
2022-2023	6	6	6	18	693
2023-2024	6	5	6	17	673
2024-2025	6	6	5	17	670

Thông tin về đội ngũ 5 năm gần đây

Năm học	Tổng số CBGV, NV	CBQL	Giáo viên	Nhân viên	Trình độ Thạc sĩ
2019-2020	51	3	40	8	2
2020-2021	50	3	40	7	3
2021-2022	50	3	40	7	4
2022-2023	49	3	40	6	4
2023-2024	49	3	40	6	4
2024-2025	48	3	39	6	4

Tổ chức bộ máy hiện tại của nhà trường

+ Tổng số CBGV, NV nhà trường: 48 trong đó CBQL: 03, Giáo viên: 39, nhân viên: 06.

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 42 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 48 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 670 đoàn viên với 01 chi đoàn giáo viên và 17 chi đoàn học sinh.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 04 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

Biên chế 04 tổ chuyên môn gồm tổ Ngữ văn - Lịch sử - GDKT&PL, tổ Toán - Vật lý- Tin, tổ Tiếng Anh - Địa lý - GDTC-GDQP&AN, tổ Sinh học - Hoá học - Công nghệ - Thư viện và 01 tổ văn phòng.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ tên: Nguyễn Thành Chi;

- Chức vụ: Hiệu trưởng;

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Mường Ảng - Tổ dân phố 7 - thị trấn Mường Ảng - Mường Ảng - Điện Biên;

- Số điện thoại: 0904606605;

- Địa chỉ email: chithanhnguyen78@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Trường THPT Mường Ảng được thành lập theo Quyết định số 227/QĐ-UBND, ngày 17/6/1987 của UBND tỉnh Lai Châu.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường

Quyết định số 1143/QĐ-SGDĐT, ngày 06/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc kiện toàn hội đồng trường các trường THPT, phổ thông dân tộc nội trú THPT nhiệm kỳ 2020-2025.

Thành viên Hội đồng trường:

TT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thành Chi	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Nguyễn Văn Bình	Giáo viên	Thư ký
3	Trần Mạnh Linh	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5	Mai Thị Hồng Nhung	Tổ trưởng	Thành viên
6	Hoàng Thế Minh	Tổ trưởng	Thành viên
7	Dương Thị Phụng	Tổ trưởng	Thành viên
8	Nguyễn Văn Đạo	Tổ trưởng	Thành viên
9	Lò Thị Nhung	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên
10	Nguyễn Phương Linh	Học sinh	Thành viên

c) Quyết động bổ nhiệm Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng

Quyết định số 2276/QĐ-SGDĐT, ngày 20/7/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm viên chức Nguyễn Thành Chi.

Quyết định số 350/QĐ-SGDĐT, ngày 12/6/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm lại viên chức Nguyễn Thị Hoàng Yến.

Quyết định số 3533/QĐ-SGDĐT, ngày 10/12/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm viên chức Trần Mạnh Linh.

Danh sách cán bộ quản lý:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ email
1	Nguyễn Thành Chi	Hiệu trưởng	0904606605	chithanhnguyen78@gmail.com
2	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phó HT	0376884316	hoangyenmuongang@gmail.com
3	Trần Mạnh Linh	Phó HT	0988833101	mali02031985@gmail.com

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	C Đ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	TB	KXL
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48		4	41			2	1	42	0	0	32	10	
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	40		3	37				39			31	8		
1	Toán	4			4				4			4			
2	Vật Lý	2			2				2			2			
3	Hóa học	4		1	3				4			4			
4	Sinh học	2		1	1				2			2			
5	Địa lý	3			3				3			1	2		
6	Lịch sử	3		1	2				3			2	1		
7	Ngữ văn	6			6				6			5	1		
8	Tiếng Anh	4			4				4			2	2		
9	Tin học	3			3				3			3			

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	TB	KXL
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48		4	41		2	1	42	0	0	32	10		
10	Thể dục	3			3				3			2	1		
11	Công nghệ	3			3				2			2			
12	GDCD	2			2				2			2			
12	GDQP&AN	1			1				1				1		
II	Cán bộ quản lý	3		1	2				3			1	2		
1	Hiệu trưởng	1		1					1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2				2				2		
III	Nhân viên	6			3		2	1							
1	Nhân viên phục vụ	1					1								
2	Nhân viên kế toán	0													
3	Nhân viên Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên thư viện	1			1										
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
6	Nhân viên bảo vệ	2					1	1							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ²)	Tổng diện tích 17460 m ² Trung bình 25,86m ² /học sinh	Tổng diện tích 17460 m ² Trung bình 24,55m ² /học

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
			sinh
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	2775m ² /696; Trung bình 4m ² /học sinh	2775m ² /711 Trung bình 3,9m ² /học sinh
3	Tỉ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	15/15	15/15
5	Số bản sách/người học	0.28 bản/học sinh	0.28 bản/học sinh
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng dạy học trực tuyến	100%	100%
7	Tốc độ Internet/1000 người học (Mbps)	0.37 Mbps	0.37 bps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất	Diện tích sàn
1	Trụ sở chính	Tổ 7 thị trấn Mường Ảng - Mường Ảng - Điện Biên	17460 m ²	4100 m ²
2	Cơ sở thứ 2	-	-	-
3	Phân hiệu	-	-	-

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí
1	Xây mới toà nhà	0	0
2	Nâng cấp, sửa chữa toà nhà	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm	0	0
Tổng		0	0

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hàng năm thực hiện xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đánh giá ngoài vào năm 2020. Kết quả: Sở Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện công nhận kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2. UBND tỉnh Điện Biên đã công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

- Hàng năm nhà trường thực hiện các xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục các hạn chế, phát huy ưu điểm của đơn vị từ đó nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia kết quả rèn luyện	670	260	221	189
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	480	184 (70.77)	145(65.61)	151(79.89)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	153	55(21.15)	44(28.96)	34(17.9)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	34	18 (6.92)	12 (5.43)	4(2.12)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3	3 (1.15)	0	0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	670	260	221	189
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	86	31 (11.92)	27 (12.22)	28 (14.81)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	342	127(48.85)	109(49.3)	106 (56.08)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	230	99 (38.08)	77(34.84)	54(28.5)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12	3 (1.15)	8 (3.62)	1(0.53)
5	Không xếp loại (tỷ lệ so với tổng s		0	0	

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
III	Tổng hợp kết quả cuối năm (khối 10+11)	481	260	221	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	461	248 (95.3)	213 (96.3)	
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	4	2 (0.76%)		2 (1.05%)
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	81	28 (10.7)	27 (12.2)	26(13.7)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	11	3 (1.15)	8 (3.6)	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)				
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố	36	14	12	10
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	189			
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	189			
VII	Số học sinh hoàn thành CT				
VII I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	419/251	155/ 105	143/78	121/68
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	520	213	167	140

2. Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện	Xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT; Hướng	Xét lên lớp căn cứ vào kết quả xếp loại hạnh kiểm và học	Xét điều kiện dự thi tốt nghiệp THPT căn cứ vào kết quả xếp

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	tuyển sinh	dẫn tuyển sinh số 970/SGDDĐT-GDTrH ngày 10/4/2025 của Sở GDĐT; Học sinh trúng tuyển được phê duyệt theo quyết định của Sở Giáo dục.	lực của học sinh được thực hiện theo quy định của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD-ĐT ban hành;	loại hạnh kiểm và học lực của học sinh được xếp loại theo qui định của Thông tư số số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD-ĐT ban hành Công nhận tốt nghiệp THPT căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp THPT theo Hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	-Thực hiện theo khung chương trình GD phổ thông do Bộ GDĐT qui định, trên cơ sở Chương trình nhà trường xây dựng phù hợp với đặc điểm học sinh của trường (CT GDPT năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018). - Học sinh học 06 môn học và 02 hoạt động giáo dục bắt buộc; lựa chọn 04 môn trong các môn học còn lại; vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.	Thực hiện theo khung chương trình GD phổ thông do Bộ GDĐT qui định, trên cơ sở Chương trình nhà trường xây dựng phù hợp với đặc điểm học sinh của trường (CT GDPT năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018). - Học sinh học 06 môn học và 02 hoạt động giáo dục bắt buộc; lựa chọn 04 môn trong các môn học còn lại; vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.	Thực hiện theo khung chương trình GD phổ thông do Bộ GDĐT qui định, trên cơ sở Chương trình nhà trường xây dựng phù hợp với đặc điểm học sinh của trường (CT GDPT năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018). - Học sinh học 06 môn học và 02 hoạt động giáo dục bắt buộc; lựa chọn 04 môn trong các môn học còn lại; vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường. -Xây dựng các cụm

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		- Xây dựng các cụm chuyên đề học tập lựa chọn phải phù hợp với định hướng nghề nghiệp. - Đánh giá HS theo Thông tư 22/2021/TTBGDĐT về đánh giá học sinh THCS, THPT (lớp 10) - Tổ chức học chính khóa ca sáng, ca chiều bố trí học các hoạt động dạy học, ôn tập củng cố kiến thức, ôn HSG	- Xây dựng các cụm chuyên đề học tập lựa chọn phải phù hợp với định hướng nghề nghiệp. - Đánh giá HS theo Thông tư 22/2021/TTBGDĐT về đánh giá học sinh THCS, THPT (lớp 11) - Tổ chức học chính khóa ca sáng, ca chiều bố trí học các hoạt động dạy học, ôn tập củng cố kiến thức, ôn HSG	- chuyên đề học tập lựa chọn phải phù hợp với định hướng nghề nghiệp. - Đánh giá HS theo Thông tư 22/2021/TTBGDĐT về đánh giá học sinh THCS, THPT (lớp 11) - Tổ chức học chính khóa ca sáng, ca chiều bố trí học các hoạt động dạy học, ôn tập củng cố kiến thức, ôn HSG - Tổ chức ôn tập, ôn thi tốt nghiệp THPT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	* Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội: - Trong năm học nhà trường tổ chức họp phụ huynh học sinh 3 lần vào dịp đầu năm học, kết thúc học kỳ I và cuối năm học. Trao đổi tình hình học sinh thường xuyên qua giáo viên chủ nhiệm lớp bằng các hình thức như thư liên lạc gửi về gia đình, điện thoại, qua trao đổi trực tiếp với phụ huynh khi cần, qua thông báo với UBND xã, thị trấn có học sinh đang học tại trường. - Thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường và gia đình. - Huy động mọi nguồn lực của cộng đồng cùng chăm lo sự nghiệp giáo dục của trường. - Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. * Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Học sinh phải kính trọng thầy giáo, cô giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước; - Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường ; - Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn và bảo vệ môi trường;		

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		- Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tham gia công tác xã hội; - Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường; - Có hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục theo đúng qui định của nhà trường; - Không vi phạm những điều cấm đối với học sinh theo qui định của điều lệ trường Trung học. - Có thái độ tích cực, đấu tranh ngăn chặn những hành vi bị cấm ở trong nhà trường và giúp bạn cùng tiến bộ; - Lên lớp học tập chuyên cần, không bỏ học vì bất kỳ lý do nào.		
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu theo qui định của Bộ GDĐT. Theo Thông tư Liên tịch số 109/ TTLT giữa Bộ GDĐT-Bộ Tài chính: Có 17 phòng học kiên cố có đầy đủ bàn ghế, 3 phòng học bộ môn, 2 phòng Tin học với 50 máy tính được kết nối internet, 02 phòng học tiếng với 60 cabin; hệ thống máy chiếu được lắp đặt đầy đủ 1 chiếc/1 lớp. Thường học sinh tham gia các cuộc thi cấp tỉnh đạt giải, học sinh đạt học sinh xuất sắc, học sinh giỏi vào cuối kỳ I và cuối năm học. Có nhà ở và bếp ăn tập thể cho học sinh do ở cách trường xa không trở về trong ngày được (ưu tiên cho những học sinh được hưởng theo Nghị định 116/NĐ-CP). Điều kiện về điện, nước, văn phòng phẩm đảm bảo đủ cho sinh hoạt và học tập. Môi trường học đường lành mạnh.		
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt	Học sinh yếu, kém được học phụ đạo, bồi dưỡng kiến thức. Hàng tháng học sinh được tham gia các hoạt động ngoại khóa bổ trợ kiến thức các môn học, tham gia sinh hoạt tại các CLB theo sở thích, năng lực và nguyện vọng; tham gia các buổi tuyên truyền về: pháp luật, sức khỏe sinh sản, kỹ năng sống, môi trường, an toàn giao thông, tư vấn nghề nghiệp. Được nhận các quà tặng của các tổ chức, cá nhân tài trợ. Được tham gia các hoạt động văn hóa,		

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	của học sinh ở cơ sở giáo dục	văn nghệ, thể thao, các hoạt động mang tính truyền thống có tác dụng giáo dục lớn.		

VI	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Khối 10	Khối 11	Khối 12
		* Kết quả rèn luyện: 100% đạt trở lên, trong đó loại Tốt , Khá đạt 95% trở lên. 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. *Kết quả học tập: 95% đạt trở lên, trong đó loại Tốt 8% trở lên; loại Khá 45% trở lên; * Thi HSG cấp Tỉnh đạt: 10 giải trở lên.	* Kết quả rèn luyện: 100% đạt trở lên, trong đó loại Tốt , Khá đạt 95% trở lên. 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. *Kết quả học tập: 95% đạt trở lên, trong đó loại Tốt 8% trở lên; loại Khá 45% trở lên; * Thi HSG cấp Tỉnh đạt: 14 giải trở lên.	* Kết quả rèn luyện: 100% TB trở lên, trong đó loại Tốt , Khá đạt 95% trở lên. 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. *Kết quả học tập: 97% từ trung bình trở lên, trong đó loại Giỏi 8% trở lên; loại Khá 50% trở lên; 100% học sinh đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT. * Thi HSG cấp Tỉnh đạt: 13 giải. * Tốt nghiệp: 100%; *.Xét tuyển đại học với các môn xét ĐH (70% đạt điểm sàn trở lên; từ 20 điểm trở lên: 15%.
		* Sức khỏe học sinh : - Học sinh được cấp phát thuốc khi đau ốm thông thường. Trường làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh		

		thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS. - Thông báo kịp thời tình hình sức khỏe học sinh đến gia đình sau mỗi kỳ học hoặc khi học sinh đi nằm viện. - Học sinh được vận động tiêm phòng đầy đủ các loại vacxin trong năm. - Học sinh được đánh giá sức khỏe cuối năm theo QĐ số 53/2008/QĐ .BGDDT ngày 18/9/2008 về việc Qui định đánh giá xếp loại thể lực HS-SV, dự kiến: Loại Tốt: 95 %; Loại Đạt: 5%; Chưa đạt: không. - Học sinh ở nội trú trong trường được nuôi dưỡng 2 bữa/ngày được đảm bảo đủ, đúng chế độ.		
VII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đảm bảo kiến thức, kỹ năng để học lên lớp 11	Đảm bảo kiến thức, kỹ năng để học lên lớp 12	Đảm bảo kiến thức, kỹ năng để thi tốt nghiệp THPT; học ĐH hoặc đi học nghề

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

a. Nguồn ngân sách:

DVT: đồng

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
Dự toán năm trước chuyển sang (1)		
Dự toán giao (2)	8.682.020.000	2.499.150.000
Dự toán bổ sung (3)	1.175.580.000	537.420.000
Dự toán giảm (4)		
Dự toán thu (1+2+3-4)	9.857.600.000	3.036.570.000
Dự toán chi	9.718.614.332	2.870.394.507
1. Tiền lương	4.428.402.686	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	131.236.800	
3. Phụ cấp lương	2.798.991.069	43.650.000
4. Các khoản đóng góp	1.245.583.709	
5. Tiền thưởng	51.012.000	258.419.907

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
6. Phụ cấp làm thêm giờ		
7. Phúc lợi tập thể	30.754.824	
8. Chi thu nhập tăng thêm		
9. Thanh toán dịch vụ công cộng	91.537.160	
10. Vật tư văn phòng	32.038.040	
11. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	38.117.786	
12. Công tác phí	206.501.300	
13. Chi phí thuê mướn	16.788.600	
14. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	177.206.500	
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	313.984.450	16.000.000
16. Mua sắm tài sản vô hình	2.000.000	32.000.000
17. Chi khác	154.459.408	1.941.474.600
18. Chi đảm bảo xã hội		
19. Hỗ trợ chi phí học tập		578.850.000
20. Trợ cấp Tết Nguyên Đán		
DỰ TOÁN CÒN LẠI		
CHUYỂN SANG NĂM 2025	138.985.668	
KINH PHÍ HỦY	6.000.000	166.175.493

b. Nguồn dịch vụ:

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Giấy thi, giấy nháp	Dọn nhà vệ sinh học sinh	Dạy ôn thi lớp 10	Cho thuê căn tin, nhà giữ xe
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ	96.120.000		48.210.000		47.910.000
2	Chi phí quản lý của hoạt động	73.849.000		41.730.000		32.119.000

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Giấy thi, giấy nháp	Dọn nhà vệ sinh học sinh	Dạy ôn thi lớp 10	Cho thuê căn tin, nhà giữ xe
	SXKD, dịch vụ					

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Miễn giảm học phí	441	50.915.500	
Hỗ trợ chi phí học tập	425	578.850.000	
Học bổng học sinh khuyết tật	4	29.664.000	
Hỗ trợ tiền ăn, ở	277	1.860.895.100	

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	15.000đ	
2	Dịch vụ dọn nhà vệ sinh học sinh	đồng/học sinh/ năm học	30.000	
3	Giấy thi, giấy nháp	đồng/học sinh/ năm học	0	
4	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	0	
5	Dạy ôn thi lớp 10	đồng/học sinh/tiết	0	
II	Năm học 2025-2026			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	0	
2	Dịch vụ dọn nhà vệ sinh học sinh	đồng/học sinh/ năm học	30.000	
3	Giấy thi, giấy nháp	đồng/học sinh/ năm học	10.000	
4	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	0	
5	Dạy ôn thi lớp 10	đồng/ học sinh/tiết	0	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

Đvt: triệu đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	0	
III	Số dư tiền gửi tại ngân hàng agribank	Đồng	161.868.045	Tiền CS SKBD và tiền dạy thêm học thêm
IV	Số dư tiền gửi tại ngân hàng Vietinbank	Đồng	50.022.972	Tiền học phí, vệ sinh, gửi xe

5. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2025
1	2	3	4
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
1	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	<i>10.851.900.000</i>	<i>5.191.128.311</i>
	Tiền lương		2. 457.196.560
	Lương hợp đồng theo chế độ		67.418.400
	Phụ cấp lương		1.682.882.754
	Các khoản đóng góp		697.602.465
	Tiền thưởng		
	Phúc lợi tập thể		
	Phụ cấp làm thêm giờ		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		60.785.553
	Vật tư văn phòng		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		8.157.237
	Công tác phí		34.250.000
	Chi phí thuê mướn		
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ		42.674.000

TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2025
1	2	3	4
	kinh phí thường xuyên		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		77.573.210
	Chi khác		62.588.132
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.347.100.000	1.373.812.500
	Phụ cấp làm thêm giờ		
	Lương hợp đồng theo chế độ		
	Tiền thưởng		1.404.000
	Bảo hiểm y tế		
	Mua sắm tài sản vô hình		
	Chi khác		
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		313.500.000
	Hỗ trợ tiền ăn, ở		1.058.908.500
	Học bổng học sinh		
	Chi trợ cấp Tết Nguyên Đán		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông trong nhà trường;

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm;

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho giáo viên và học sinh. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDCD và Hoạt động trải nghiệm...

2. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

- Giáo dục cho học sinh niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức giáo dục như cho học sinh tăng cường hoạt động trải nghiệm...Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn;

- Cơ bản trang bị cho học sinh những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết tuy nhiên việc tuyên truyền nội dung này còn chưa sâu rộng.

3. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường. Triển khai thực hiện Đề án 06 trong toàn trường.

Trên đây là báo cáo công khai các hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 của trường THPT Mường Ảng./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Đăng Website, bảng tin trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thành Chi